

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở : Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị H được tự nguyện tìm hiểu, có tình cảm và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Được một tuần thì chị H lại tiếp tục sang Đài Loan để lao động xuất khẩu. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, quan tâm đến nhau.

Do khoảng cách địa lý vợ chồng xa nhau nên dần dần vợ chồng ít liên lạc hơn. Bản thân chị H từ khi đi đến nay cũng không về Việt Nam nên vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Bản thân anh nhiều lần động viên chị H về nước để hàn gắn tình cảm nhưng chị H vẫn cương quyết ở lại Đài Loan làm việc. Hiện nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Sau một thời gian suy nghĩ bản thân anh xác định không còn tình cảm với chị H, nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 16/6/2022 và ngày 30/6/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Ma Đình Ch, bà Trần Thị H2 – địa chỉ: Xóm T xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là bố mẹ đẻ của chị Ma Thị H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho chị H được biết việc anh P đang yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị H có trao đổi lại: *“Về quan hệ hôn nhân chị xác định vợ chồng không còn liên lạc, không còn tình cảm nên anh P xin ly hôn, chị nhất trí. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không đề nghị giải quyết. Hiện nay chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 25219/QLXNC-P5 ngày 26/10/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Chị Ma Thị H, sinh ngày 05/5/1985, có thông tin xuất cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 25/3/2018 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn anh Trần Văn P chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là ông Ma Đình Ch và bà Trần Thị H2, có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H và chị H cũng không có lời khai

bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Ch và bà H2 cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Trần Văn P và chị Ma Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh P khai: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì chị H phải sang Đài Loan lao động xuất khẩu. Thời gian đầu chị H sang nước ngoài vợ chồng vẫn giữ liên lạc, quan tâm đến nhau. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng do bất đồng quan điểm, khoảng cách địa lý xa nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Anh cũng đã cố gắng động viên chị H về nước để vợ chồng được gần nhau nhưng chị H vẫn cương quyết ở lại Đài Loan làm việc do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố mẹ đẻ chị H), chị cũng xác định quan hệ vợ chồng như anh P khai là đúng. Vợ chồng không còn tình cảm, hiện không còn giữ liên lạc, anh P xin ly hôn chị nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh P và chị H sau khi kết hôn ít có thời gian chung sống cùng nhau, nên sự hiểu biết, tình cảm yêu thương chia sẻ giữa vợ chồng không có. Đến nay anh chị đã không còn quan tâm, thương yêu nhau, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mục đích hôn nhân giữa anh P và chị H không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P, cho anh P được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh P và chị H đều xác định không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phương xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, cho anh P được ly hôn với chị H; Con chung không có, tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn P. Anh Trần Văn P được ly hôn với chị Ma Thị H.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000122 ngày 01/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận